

Số: 02 /TB-TTPVHCC

Bình Giang, ngày 03 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách,
kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính**

(từ ngày 01/8/2025 đến ngày 31/8/2025)

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao tại về việc đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được giao về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính. Trên cơ sở báo cáo của Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng kinh tế xã, Phòng Văn hóa - xã hội xã, trung tâm phục vụ hành chính công xã tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, như sau:

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính

1.1. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$)

Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến của toàn xã đạt **80,01%** (số hồ sơ nộp trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận là 1.264/1.576 hồ sơ, hồ sơ nộp trực tiếp 312 hồ sơ), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **81,40%** (1.160/1.425 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 1.160 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 265 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **36,17%** (17/47 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 17 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 30 hồ sơ. Không đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **83,65%** (87/104 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 87 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 17 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

1.2. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$):

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến toàn xã đạt **90,44%** (số hồ sơ thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ có phí, lệ phí là 870/962 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao

1.3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống (chỉ tiêu giao = 100%):

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống của toàn thành phố đạt **100%** (số hồ sơ được cập nhật lên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính/tổng số hồ sơ tiếp nhận là 1.576/1.576 hồ sơ), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (1.425/1.425 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (47/47 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (104/104 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

1.4. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (chỉ tiêu giao = 100%):

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của toàn xã trong kỳ 1.576/1.576, đạt tỷ lệ **100%**, trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (1.425/1.425 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (47/47 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (104/104 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

1.5. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa (chỉ tiêu giao $\geq 50\%$):

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa của toàn xã đạt **100%** (1.576/1.576), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (1.425/1.425 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (47/47 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (104/104 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

1.6. Tỷ lệ phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý theo quy định (chỉ tiêu giao = 100%):

Tỷ lệ phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý theo quy định của toàn xã đạt: **100%**. Đạt chỉ tiêu giao.

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã

2.1. Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn

Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt: **100%** (số hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn/tổng số hồ sơ đã giải quyết là (1.812/1.812, tổng hồ sơ tiếp nhận trong kỳ và kỳ trước chuyển qua 1.890 hồ sơ, tiếp nhận trong kỳ 1.576, kỳ trước chuyển qua 314 hồ sơ, hồ sơ đang giải quyết 7 hồ sơ, hồ sơ rút 71 hồ sơ), quá hạn 00 hồ sơ, trong đó:

+ Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (1.416/1.416 hồ sơ).

+ Phòng Văn hóa - Xã hội: Đạt **100%** (359/359 hồ sơ).

+ Phòng kinh tế: Đạt **100%** (37/37 hồ sơ).

2.2. Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết quá hạn

Trong kỳ không có hồ sơ quá hạn.

3. Tồn tại, hạn chế

- Một số chỉ tiêu chưa đạt tỷ lệ giao như: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đã giải quyết TTHC của Phòng kinh tế còn thấp: **36,17%** (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$).

4,21% do chưa được tích hợp thanh toán Lĩnh vực chứng thực trên cổng dịch vụ công Quốc gia; tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết quá hạn tại một số Phòng còn cao như: Văn phòng HĐND-UBND (19,44%); phòng kinh tế (3,85%)

- Trong thực tế, phần lớn công dân không thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, một số thực hiện việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính một cách không thường xuyên; do vậy, quá trình nộp hồ sơ còn sai sót chủ yếu công chức chuyên môn tiếp nhận hướng dẫn và nộp hồ, việc làm quen với chức năng truy xuất, tái sử dụng hồ sơ điện tử còn hạn chế, nhiều người chưa nắm vững thao tác kỹ thuật.

- Trong quá trình thực hiện lưu trữ hồ sơ, kết quả thực hiện thủ tục hành chính; truy xuất giấy tờ từ kho dữ liệu của công dân; kiểm tra danh tính số còn gặp khó khăn từ lỗi phần mềm, hệ thống. Ngoài ra, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa có chức năng thống kê tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa, gây khó khăn cho công tác báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Giang thông báo đề Thủ trưởng các phòng chuyên môn. Lãnh đạo UBND xã biết chỉ đạo, thực hiện và có giải pháp khắc phục đảm bảo nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã (để b/c);
- Các Phòng chuyên môn xã;
- Lãnh đạo TTPVHCC xã;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Thành



Phụ lục

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của xã Bình Giang

(Kèm theo Thông báo số 02 /TB-VP ngày 03/9/2025 của Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Bình Giang)

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Hồ sơ rút
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính									
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(18)
1	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	26	14	11	1	18	18	0	0	0	0	0	8
2	Hộ tịch	395	364	14	17	357	357	0	0	2	2	0	36
3	Hoạt động xây dựng	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0
4	Đất đai	22	3	18	1	17	17	0	0	0	0	0	5
5	Người có công	16	11	0	5	13	13	0	0	3	3	0	0
6	Giáo dục trung học	6	5	0	1	6	6	0	0	0	0	0	0
7	Chứng thực	1078	796	251	31	1059	1059	0	0	0	0	0	19
8	Bảo trợ xã hội	345	71	17	257	340	340	0	0	2	2	0	3
9	Lưu thông hàng hóa trong nước	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		1890	1264	312	314	1812	1812	0	0	7	7	0	71